

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN MINH
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **53/2019/DS-ST**
Ngày: 18/11/2019
V/v: “*Tranh chấp về hợp đồng
dân sự vay tài sản và góp hụi*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Cẩm Linh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Hữu Cương

2. Bà Đoàn Thị Huệ

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hồng Nhung, thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh tham gia phiên tòa:
Ông Trần Văn Ý, kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 11 năm 2019, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 184/2019/TLST - DS ngày 05 tháng 8 năm 2019 về việc “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản và góp hụi*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 146/2019/QĐXXST - DS ngày 21 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà Trương Thùy D, sinh năm: 1982. Cư trú: Ấp Cán Gáo, xã Đông Hưng B, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang. (Có mặt)

* *Bị đơn:* Ông Võ Văn M, sinh năm: 1972 và bà Nguyễn Thị Th, sinh năm: 1972. Cùng cư trú: Tổ 10, ấp Cán Gáo, xã Đông Hưng B, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo nội dung khởi kiện ngày 06/6/2019, bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trương Thùy D trình bày và yêu cầu như sau:* Vào ngày 28/4/2018 âm lịch, vợ chồng ông M, bà Th có hỏi vay của bà số tiền là 10 triệu đồng, lãi suất là 5%/tháng, thời hạn là 03 tháng sẽ trả cả tiền gốc và tiền lãi, nếu ông M, bà Th không trả thì bà sẽ chuyển qua trả góp trong thời gian 06 tháng (*mỗi tháng là 2.160.000 đồng từ ngày 15/9/2018 đến ngày 15/02/2019*).

Nhưng đến ngày 29/5/2019, ông M bà Th vẫn không trả kể cả tiền gốc và tiền lãi. Số tiền này ông M, bà Th còn nợ là 13.850.000 đồng.

Vào ngày 30/5/2018 âm lịch, vợ chồng ông M, bà Th có hỏi vay thêm của bà số tiền gốc là 5.000.000 đồng, lãi suất 5%/tháng, trả góp mỗi tháng là 750.000 đồng và trả trong thời gian 10 tháng. Phần tiền này ông bà còn nợ 07 tháng với số tiền là 5.250.000 đồng và bà chỉ tính chẵn bằng số tiền là 5.000.000 đồng.

Tổng cộng 02 khoản tiền vay gốc và lãi là 18.850.000 đồng (*Mười tám triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng*). Ngày 20/3/2019, giữa bà và ông M có tính toán nợ và ông M đồng ý ký vào biên nhận cho bà.

Ngoài ra, từ ngày 06/7/2017 đến ngày 06/7/2019 bà có cho bà Đ và bà Th mượn hót 01 chung hụi (*bà Th và bà Đến chia hai*), sau đó hai người góp hụi chắt lại cho bà hàng tháng. Tính đến ngày mãn hụi, phần của bà Th còn nợ lại bà số tiền hụi là 12 triệu đồng.

Nay, bà yêu cầu ông M, bà Th trả tổng cộng số tiền là 30.850.000 đồng (*Ba mươi triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng*), trong đó: tiền vay là 18.850.000 đồng và tiền hụi là 12.000.000 đồng. Trả 01 lần trong thời gian là 02 tháng kể từ ngày 18/10/2019.

** Theo biên bản lấy lời khai ngày 09/10/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh ông M, bà Th trình bày và yêu cầu như sau:*

Ông bà xác nhận, lời trình bày của bà D là đúng vì ông bà còn nợ bà D số tiền là 30.850.000 đồng đến nay chưa trả, trong đó: tiền vay là 18.850.000 đồng và tiền hụi là 12.000.000 đồng. Ông bà đồng ý trả số tiền 30.850.000 đồng cho bà D nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên xin trả dần cho bà D mỗi tháng là 1.500.000 đồng cho đến khi hết nợ. Thời gian bắt đầu trả từ ngày 18/11/2019.

Ông bà không yêu cầu gì đối với số tiền đã đóng cho bà D trước đây lý do là không có chứng cứ gì để chứng minh cho việc có trả tiền cho bà D.

Tại phiên tòa:

- *Nguyên đơn bà D yêu cầu:* Ông M, bà Th trả 01 lần tổng cộng số tiền là 30.850.000 đồng (*Ba mươi triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng*), trong đó, tiền vay là 18.850.000 đồng và tiền hụi là 12.000.000 đồng.

- *Bị đơn ông M, bà Th yêu cầu:* Xin trả dần mỗi tháng là 1.500.000 đồng cho đến khi hết số tiền 30.850.000 đồng.

- *Kiểm sát viên phát biểu quan điểm:*

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đầy đủ, đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật tố tụng dân sự; Đối với các đương sự thì

từ khi thụ lý vụ án đến nay đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định;

Về quan điểm giải quyết vụ án: Tại phiên tòa giữa các đương sự đã thống nhất được với nhau về số tiền vay và tiền hui còn nợ là 30.850.000 đồng (*trong đó, tiền vay là 18.850.000 đồng và tiền hui là 12.000.000 đồng*). Do đó, yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận và đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 30, Điều 31 Nghị định 144; Điều 466, Điều 471 BLDS năm 2015, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (*gọi tắt là HĐXX*) nhận định như sau:

[1] *Về tố tụng*: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Thùy D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn ông Võ Văn M và bà Nguyễn Thị Th (*có nơi cư trú tại ấp Cán Gáo, xã Đông Hưng B, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang*) trả tiền vay và tiền hui còn nợ là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn được xác định là “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản và góp hui*”.

[2] *Về nội dung trong vụ án*: Trong năm 2018, vợ chồng ông M, bà Th có hời vay của bà D 02 lần (*Lần 01: 10.000.000 đồng và lần 02: 5.000.000 đồng*) tổng cộng 02 khoản gốc và lãi là 18.850.000 đồng. Ngày 20/3/2019, giữa bà D và ông M có tính toán nợ và ông M đồng ý ký vào biên nhận cho bà D. Ngoài ra, từ ngày 06/7/2017 đến ngày 06/7/2019 bà D có cho bà Đến và bà Th mượn hót 01 chung hui (*bà Th và bà Đến chia hai*), sau đó hai người góp hui chết lại hàng tháng. Tính đến ngày mãn hui, phần của bà Th còn nợ lại bà D số tiền hui là 12.000.000 đồng. Do đến nay ông M và bà Th không trả nợ nên bà D khởi kiện yêu cầu ông M, bà Th trả cho bà 01 lần tổng cộng số tiền vay và tiền hui là 30.850.000 đồng (*Ba mươi triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng*).

2.1 Trong quá trình giải quyết vụ án và qua lời trình bày của bà D được ông M và bà Th thừa nhận sự việc là ông bà có vay của bà D số tiền vay 18.850.000 đồng và nợ tiền hui là 12.000.000 đồng đến nay chưa trả. Đây thuộc trường hợp đương sự thừa nhận hoặc không phản đối theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự nên bà D không phải chứng minh cho yêu cầu của mình về việc ông M, bà Th còn nợ bà số tiền 30.850.000 đồng.

2.2 Xét lời khai nại của bị đơn là ông M và bà Th về việc ông bà cho rằng hiện nay hoàn cảnh gia đình khó khăn nên ông bà xin trả dần cho bà D mỗi tháng là 1.500.000 đồng cho đến khi hết nợ.

HĐXX xét thấy, ông M và bà Th vay tiền (từ năm 2018) và nợ tiền hụi (hụi hiện nay đã mãn) đến nay vẫn chưa trả là ông bà đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của ông bà được quy định tại Điều 466 và Điều 471 BLDS năm 2015. Cách thức và thời gian trả nợ của ông M và bà Th làm kéo dài thêm thời gian làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà D và tại phiên tòa bà D không đồng ý theo yêu cầu trả nợ của ông M, bà Th. Đồng thời, Tòa án không ấn định trong bản án, quyết định thời điểm hoặc thời hạn bên có nghĩa vụ thi hành án nên HĐXX không có cơ sở xem xét.

Do đó, HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà D và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Buộc buộc ông M, bà Th có nghĩa vụ trả cho bà D số tiền là 30.850.000 đồng (trong đó, số tiền vay 18.850.000 đồng và nợ tiền hụi là 12.000.000 đồng) khi án có hiệu lực pháp luật.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

- Ông M, bà Th phải chịu án phí trên số tiền phải trả cho bà D là 30.850.000 đồng $\times 5\% = 1.542.000$ đồng.

- Do yêu cầu của bà D được chấp nhận nên hoàn trả lại cho bà tiềm tạm ứng án phí mà bà đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 466 và Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 30, Điều 31 Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 quy định về họ, hụi, biên, phường.

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Buộc ông Võ Văn M, bà Nguyễn Thị Th trả cho bà Trương Thùy D số tiền là 30.850.000 đồng (*Ba mươi triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng*).

Kể từ ngày bà D có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông M, bà Th không trả đủ số tiền trên thì hàng tháng ông M, bà Th còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

- Ông Võ Văn M, bà Nguyễn Thị Th phải chịu án phí số tiền là 1.542.000 đồng (*Một triệu năm trăm bốn mươi hai nghìn đồng*).

- Hoàn trả cho bà Trương Thùy D số tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp là 771.250 đồng (*Bảy trăm bảy mươi một nghìn hai trăm năm mươi đồng*) theo lai thu số 0006474 ngày 29/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

3. *Quyền kháng cáo*: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (*Ngày 18/11/2019*).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự (*sửa đổi bổ sung năm 2014*) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (*sửa đổi bổ sung năm 2014*); Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (*sửa đổi bổ sung năm 2014*).

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- TAND tỉnh KG;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Trịnh Thị Cẩm Linh